



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

## PHASES AND ACTIONS IN THE JAPANESE - VIETNAMESE TRANSLATION PROCESS: A SEMI-STRUCTURED INTERVIEW APPROACH

Phan Chau Phuong Anh\*

*Ho Chi Minh City Open University, 97 Vo Van Tan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received 17 September 2025

Revised 26 October 2025; Accepted 16 April 2026

**Abstract:** This study examines the phases of one-direction translation from Japanese into Vietnamese through semi-structured interviews with five university instructors. The data were coded into two principal phases Analysis (A1-A4) and Reformulation (B1-B3) and organized as a binary matrix, on which the authors applied multidimensional scaling (MDS) to identify the structure of translation behaviors. The results reveal three groups: (1) G001, a minimal workflow emphasizing analysis and meaning verification; (2) G002 and G003, who share A1-A2 but diverge in Reformulation steps; and (3) G004 and G005, who share A2, A4, B1, and B3 but differ in the breadth of B-phase coverage. Step A2 emerges as a gateway for four of the five participants, after which strategies diverge markedly. These findings support the view that translation is a sequence of activities that are both cognitive and text-producing, and they inform recommendations for translator education and training.

*Keywords:* translation, translation process, analysis, reformulation, translation pedagogy

---

\* Corresponding author.

Email address: [anh.pcp@ou.edu.vn](mailto:anh.pcp@ou.edu.vn)<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5625>

# PHÂN ĐOẠN VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA QUÁ TRÌNH DỊCH THUẬT NHẬT - VIỆT: TIẾP CẬN TỪ PHÒNG VẤN BÁN CẤU TRÚC

Phan Châu Phương Anh

*Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh,  
97 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận bài ngày 17 tháng 9 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 26 tháng 10 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 4 năm 2026

**Tóm tắt:** Bài viết<sup>o</sup> khảo sát các phân đoạn trong quá trình dịch đơn chiều từ tiếng Nhật sang tiếng Việt thông qua phỏng vấn bán cấu trúc với 5 giảng viên. Dữ liệu được mã hóa theo hai phân đoạn chính: Phân tích (A1 - A4) và Tái lập (B1 - B3). Trên cơ sở ma trận nhị phân, chúng tôi áp dụng kỹ thuật MDS (thang đo đa hướng) để nhận diện cấu trúc hành vi dịch. Kết quả cho thấy ba nhóm: (1) G001 theo quy trình tối giản, tập trung vào phân tích và đối chiếu nghĩa; (2) G002, G003 cùng thực hiện A1, A2 nhưng khác biệt ở các bước Tái lập; (3) G004, G005 cùng thực hiện A2, A4, B1, B3 nhưng khác nhau ở mức độ bao phủ phân đoạn B. Kết quả chỉ ra A2 là mốc bản lề của 4/5 khách thể, sau đó xuất hiện sự phân kỳ rõ trong hành động dịch. Từ đó, nghiên cứu khẳng định quá trình dịch là chuỗi hoạt động vừa mang tính nhận thức vừa mang tính tạo ngôn, đồng thời đưa ra khuyến nghị trong giảng dạy và đào tạo dịch thuật.

*Từ khoá:* dịch thuật, quá trình dịch, phân tích, tái lập, giảng dạy dịch thuật

## 1. Giới thiệu

Dịch thuật không chỉ là sự hoán đổi hình thức giữa hai ngôn ngữ, mà còn được nhìn nhận như một tiến trình gồm các thao tác nhận thức và tạo ngôn. Mặc dù lĩnh vực nghiên cứu dịch thuật đã phát triển, phần lớn công trình vẫn thiên về phân tích sản phẩm, trong khi các mô tả có hệ thống về quá trình dịch Nhật - Việt dựa trên dữ liệu chuyên gia còn hạn chế. Nghiên cứu này tập trung khảo sát phương thức xử lý, nhận thức, vận hành trong tư duy người dịch khi biên dịch đơn chiều từ ngôn ngữ nguồn (SL) sang ngôn ngữ đích (TL). Đồng thời, chúng tôi xem xét mối liên hệ giữa các bước tiếp nhận, xử lý ngôn bản nguồn (ST) và kiến tạo ngôn bản đích (TT). Trên cơ sở đó, chúng tôi mô tả và phân tích hai phân đoạn chủ đạo của tiến trình dịch gồm: Phân tích và Tái lập. Thông qua khung mã hoá thao tác cụ thể (A1-A4; B1-B3) và đối chiếu các cấu hình hành động khác nhau giữa các khách thể. Cách tiếp cận này cho phép làm rõ những điểm chung và dị biệt trong lựa chọn hành động sau các mốc bản lề của quy trình, đồng thời cung cấp bằng chứng định lượng, định tính để lý giải sự phân hoá hành vi dịch. Từ những kết quả đó, bài viết thảo luận nhằm đưa khuyến nghị về giảng dạy dịch thuật Nhật - Việt, đặc biệt là cách tổ chức hoạt động học tập.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về quá trình dịch Việt - Nhật/Nhật - Việt hiện chủ yếu thuộc ba nhóm: (1) đối chiếu ngôn ngữ và kiến nghị dịch (Đào, 2017; Vũ, 2018; Dương, 2024; Vũ, 2023; Cáp, 2024); (2) phân tích bản dịch đề xuất phương thức chuyển dịch (Nguyễn,

<sup>o</sup> Nghiên cứu này được Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh cấp kinh phí trong đề tài mã số T2025.09.1.

2023; Trần, 2017); (3) mô tả lỗi của người học (Nghiem, 2023; Phan, 2024), qua đó chỉ ra các lỗi phổ biến và gợi mở khía cạnh lựa chọn trong quá trình dịch. Những khuynh hướng này cũng phản ánh bối cảnh chung của lĩnh vực, nơi nghiên cứu dịch thuật vẫn đang tiếp tục hoàn thiện nền tảng lý thuyết và chưa có nghiên cứu lấy trọng tâm về quá trình dịch.

Quá trình dịch thường được phân tách thành các phân đoạn khác nhau, tùy theo quan điểm tiếp cận và trọng tâm nghiên cứu. Nhóm thứ nhất gồm hai tiểu hướng: tiểu hướng chiến thuật và tiểu hướng tiên trình. Nhóm thứ nhất bao gồm các miêu tả của Gerloff (1986) và Krings (1986) có trọng tâm là các vấn đề và các chiến thuật để giải quyết các vấn đề trong chuyển dịch ngôn bản. Các chiến thuật này là các thao tác tri nhận được thực hiện bởi các dịch giả. Các chiến thuật được miêu tả bởi Gerloff (1986) bao gồm: xác định vấn đề, phân tích ngôn ngữ học, lưu trữ và trích xuất, tìm kiếm chung và lựa chọn, suy luận và lý luận, ngôn cảnh hóa văn bản, giám sát nhiệm vụ. Mô hình của Krings (1986) bao gồm: xác định vấn đề, lĩnh hội, trích xuất, ra quyết định, tiêu giảm, giám sát. Một số miêu tả khác cũng có thể xếp chung vào nhóm này khi chúng tôi cũng tập trung vào các thao tác trong quá trình chuyển dịch. Jakobsen (2002) phân chia quá trình chuyển dịch thành định hướng, biên soạn, biên tập - kết thúc. Mossop (2000) phân định quá trình này thành tiền biên soạn, biên soạn, hậu biên soạn. Bên trong các quá trình đó, người dịch thực hiện các thao tác như: diễn giải, biên soạn bản dịch, nghiên cứu, kiểm lỗi, đảm bảo tính đáp ứng của bản dịch (Borg, 2018; Mossop, 2000).

Trên cơ sở đó, Yamada (2011) kế thừa trực tiếp Jakobsen (2002) và Mossop (2001) đã hệ thống hóa quá trình dịch thành ba phân đoạn lớn: tiền sản sinh bản dịch, sản sinh bản dịch và hậu sản sinh bản dịch. Giai đoạn tiền sản sinh bao gồm các hoạt động chuẩn bị như: đọc lướt văn bản gốc, tra cứu từ khóa và nghiên cứu nền tảng. Giai đoạn sản sinh là quá trình trung tâm, bắt đầu từ ký tự đầu tiên cho đến khi hoàn thành bản thảo dịch. Giai đoạn hậu sản sinh tập trung vào chỉnh sửa và tinh chỉnh bản dịch, chiếm tỷ trọng thời gian đáng kể trong thực hành dịch chuyên nghiệp. Cách phân chia này cho thấy quá trình dịch không đơn thuần là chuyển đổi ngôn ngữ tức thời mà là một chuỗi hoạt động nhận thức có sự kiểm soát kéo dài (Yamada, 2011). Song song với hướng tiếp cận tiên trình, một số nghiên cứu tại Nhật Bản còn nhấn mạnh vai trò của định hướng nhận thức và bối cảnh xã hội - văn hóa trong từng phân đoạn dịch. Nagata và Hiratsuka (2009) cho rằng quá trình dịch gồm ba phân đoạn: xác định hướng tiếp cận văn bản gốc, chuyển đổi các khác biệt ngôn ngữ và văn hóa ở cả tầng bề mặt và tầng sâu, và xác lập phương án xử lý cuối cùng để sản sinh văn bản dịch dưới tác động của các yếu tố xã hội, chính trị và hệ tư tưởng (Nagata & Hiratsuka, 2009). Xét ở góc độ truyền đạt thông điệp, Naganuma và Hiratsuka (2009) tiếp cận quá trình dịch như hoạt động tái mã hóa toàn bộ thông điệp từ hệ thống ký hiệu này sang hệ thống ký hiệu khác. Dịch giả không thay thế từng đơn vị từ vựng riêng lẻ mà tổ chức lại thông tin, thêm sắc thái diễn giải cá nhân và cuối cùng, tái cấu trúc thông điệp để phù hợp với hệ thống tư duy của ngôn ngữ đích. Quá trình này luôn bị chi phối bởi các quy phạm dịch thuật mang tính xã hội và văn hóa, nằm trên một phổ liên tục từ quy định bắt buộc đến phong cách cá nhân của dịch giả (Nagata & Hiratsuka, 2009).

Nhóm thứ hai là các mô hình chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ học tâm lý. Các phân đoạn trong quá trình rất gần với các mô hình về lĩnh hội và sản sinh ngôn ngữ. Một số nhà nghiên cứu miêu tả quá trình dịch gồm hai phân đoạn như: phân tích và tổng hợp (Bell, 1991), lĩnh hội ST và tái lập TT (Gile, 2009), xử lý ST và xử lý TT (Hvelplund, 2011). Một số nhà nghiên cứu khác trong nhóm này phân chia quá trình chuyển dịch thành ba hoặc bốn phân đoạn. Shreve và Koby (1997) phân chia thành các phân đoạn như: lĩnh hội và diễn giải ST, tái cấu trúc, truyền tải thông điệp bằng TL. Danks và Griffin (1997) miêu tả quá trình chuyển dịch với bốn phân đoạn là: lĩnh hội, tái cấu trúc, đánh giá và sản sinh. Oster (2017) đã miêu tả quá trình chuyển dịch từ đồng nguyên với sáu phân đoạn gồm: đọc, lĩnh hội, ý niệm hóa, cấu trúc hóa, giám sát, và nói hoặc viết.

Trong bối cảnh tại Nhật Bản, Someya (2010) đã phát triển mô hình tâm lý ngôn ngữ học dưới dạng mô hình quy trình kép. Quá trình dịch khởi đầu bằng việc kiến tạo mô hình văn bản nhằm xử lý cấu trúc bề mặt của ST, tiếp đến là tái cấu trúc mô hình tình huống để giải mã các hàm ý văn hóa - ngữ dụng. Sau đó là giai đoạn sản sinh và giám sát, trong đó, các lộ trình xử lý nông và sâu tương tác nhằm tạo ra bản dịch phù hợp mục đích giao tiếp. Cuối cùng là giai đoạn tinh chỉnh thông qua việc nhận diện và xử lý các dịch chuyển dịch thuật (Someya, 2010). Từ góc nhìn nhận thức, Ishihara (2010) nhấn mạnh sự khác biệt quá trình dịch theo thể loại văn bản, đồng thời phân tích hoạt động dịch qua hai phân đoạn là hiểu và dịch. Trong mỗi phân đoạn này, người dịch tiến hành xử lý ở ba cấp độ: từ, câu và tình huống. Cách tiếp cận đa tầng này cho phép lý giải cách dịch giả linh hoạt chuyển đổi giữa xử lý vi mô ngôn ngữ và kiến tạo ý nghĩa toàn văn bản (Ishihara, 2010).

Khi so sánh quá trình lĩnh hội và sản sinh ngôn ngữ với quá trình chuyển dịch, chúng tôi cho rằng quá trình chuyển dịch đã bao gồm hai quá trình lĩnh hội và sản sinh ngôn ngữ. Điều này có thể thấy rõ ở các miêu tả hai giai đoạn của Bell (1991), Gile (2009) và Hvelplund (2011) và thậm chí là các mô hình của Shreve và Koby (1997), Danks và Griffin (1997), Oster (2017) và Someya (2010). Trong đó, giai đoạn đầu tiên là lĩnh hội ST và giai đoạn thứ hai là tái lập cấu trúc ý niệm đó sang ngôn ngữ đích trong TT. Điểm khác biệt là trong quá trình chuyển dịch, hai quá trình lĩnh hội và sản sinh ngôn ngữ thuộc về hai ngôn ngữ khác nhau.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này đề xuất phân chia quá trình dịch thành hai phân đoạn cơ bản: Phân tích (Analysis) và Tái lập (Reformulation). Phân tích là quá trình người dịch sau khi tiếp nhận ST, đọc và lĩnh hội. Kết thúc giai đoạn này là sự hiểu ST, hay trình hiện ý niệm trong tâm trí của người dịch. Người dịch sử dụng năng lực của bản thân để tạo ngôn ngữ bằng cách nói hay viết. Tái lập là quá trình người dịch rà soát và điều chỉnh TT sau khi đã được tạo ngôn ngữ, cho đến khi đưa ra quyết định dừng, tức là hoàn tất sản phẩm dịch.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng và khách thể nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là quá trình chuyển dịch đơn chiều Nhật - Việt ở 5 giảng viên giảng dạy tiếng Nhật tại trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Các khách thể này có từ trên 5 năm kinh nghiệm đến trên 20 năm kinh nghiệm giảng dạy dịch thuật. Các khách thể được đánh mã theo thứ tự: G001, G002, G003, G004 và G005. Các khách thể có tham gia hoạt động biên dịch, phiên dịch ngoài thời gian giảng dạy và có các sản phẩm biên dịch ở nhiều mức độ khác nhau.

#### **3.2. Phương pháp nghiên cứu**

Chúng tôi tiến hành khảo sát 5 khách thể và sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc, với thời lượng từ 30 đến 45 phút. Từ đó, chúng tôi mô tả mô hình cơ bản các phân đoạn của quá trình dịch thuật từ SL là tiếng Nhật sang TL là tiếng Việt. Trong đó, có G001 có sản phẩm dịch thuật, G002, G004 có hoạt động biên phiên dịch ngoài giờ học, G003 có hoạt động biên phiên ngoài giờ học thuộc lĩnh vực xã hội học và dịch công chứng, G005 có thời gian dài sinh sống ở Nhật. Hiện tại, tất cả các khách thể đều đang công tác tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và một số cơ sở đại học khác trong khu vực.

Nghiên cứu này sử dụng phỏng vấn bán cấu trúc nhằm tái dựng hoạt động của khách thể nhằm mô tả chuỗi thao tác khi biên dịch đơn chiều với ngôn ngữ nguồn là tiếng Nhật sang ngôn ngữ đích là tiếng Việt, qua đó, đối chiếu với khung lý thuyết về các phân đoạn của quá trình dịch. Cụ thể, dữ liệu phỏng vấn được định hướng để làm rõ hai phân đoạn chủ đạo: Phân

tích và Tái lập vốn là trục khái quát của nghiên cứu. Câu hỏi phỏng vấn được thiết kế theo hướng gợi hồi tưởng quy trình: “Thầy/Cô hãy mô tả lại quá trình dịch từ ngôn ngữ nguồn (tiếng Nhật) sang ngôn ngữ đích (tiếng Việt) của bản thân”. Nội dung phỏng vấn được phân thành các câu và được gán nhãn “Phân tích” hoặc “Tái lập”.

Sau khi mã hóa nội dung phỏng vấn theo các thao tác thuộc hai phân đoạn (A1-A4; B1-B3), dữ liệu thu được có tính đa biến và thể hiện dưới dạng cấu hình hành vi khác nhau giữa các khách thể. Vì vậy, chúng tôi lựa chọn thang đo đa hướng (Multidimensional Scaling - MDS) để chuyển thông tin thành một không gian tương đồng, qua đó nhận diện cấu trúc phân nhóm và các hướng phân kỳ hành động sau những mốc then chốt trong quy trình. Lựa chọn này phù hợp với thiết kế dữ liệu của nghiên cứu vì MDS cho phép trực quan hóa và diễn giải quan hệ tương đồng dựa trên ma trận nhị phân và hỗ trợ rút ra hình thái cấu trúc hành vi dịch từ dữ liệu phỏng vấn.

### **3.3. Quy trình thu thập**

Nhóm nghiên cứu chủ động liên hệ với các khách thể và thống nhất thời điểm phù hợp để tiến hành phỏng vấn. Trước khi thu thập dữ liệu, nhóm cung cấp cho người tham gia thông tin khái quát về đề tài, mục tiêu và cách thức sử dụng dữ liệu nhằm bảo đảm tính minh bạch của nghiên cứu. Các nguyên tắc đạo đức nghiên cứu được tuân thủ, bao gồm: sự đồng thuận tham gia trên cơ sở tự nguyện, bảo đảm ẩn danh, và xin phép trích dẫn dữ liệu phỏng vấn trong phạm vi phục vụ mục đích học thuật. Nội dung phỏng vấn chi tiết được trình bày tại Phụ lục.

## **4. Phân tích**

G001 mô tả quá trình dịch gồm: phân tích từ vựng và sử dụng từ điển khi cần thiết; phân tích ngữ pháp câu; vận dụng năng lực tiếng Việt để diễn đạt tự nhiên và truyền tải đúng nội dung ST; xác định lĩnh vực văn bản.

G002 mô tả quá trình dịch gồm: xác định nội dung và lĩnh vực của tài liệu trước khi nhận dịch. Sau đó, G002 đọc toàn bộ văn bản để nắm được cấu trúc tổng thể và bố cục ST. Tiếp theo là đọc kỹ từng phần, gạch chân những từ khóa quan trọng hoặc không rõ nghĩa, sử dụng các công cụ hỗ trợ tra cứu từ vựng, rồi tiến hành dịch từng phần. Trong quá trình dịch, nếu gặp đoạn khó hiểu, G002 tạm thời bỏ qua để tiếp tục phần sau, sau đó quay lại xử lý.

G003 cho biết quá trình dịch không tuân theo một khuôn mẫu cố định. Thay vào đó, G003 thường tiếp cận linh hoạt, bắt đầu bằng việc đọc hiểu tổng thể câu văn, xác định các thông tin chính, sau đó tiến hành dịch thô. Giai đoạn kế tiếp là điều chỉnh câu văn cho phù hợp với ngữ cảnh và phong cách của TL.

G004 mô tả quá trình dịch gồm: Đọc sơ lược toàn văn bản để xác định thể loại, chủ đề và định hướng văn phong phù hợp; Dịch thô, tức là chuyển ý một cách trực tiếp theo suy nghĩ ban đầu mà không quá chú trọng hình thức; Chỉnh sửa trau chuốt nhằm đảm bảo tính mạch lạc, tự nhiên và phù hợp với phong cách diễn đạt của TL; Đối chiếu lại TT với ST để kiểm tra tính chính xác, tránh nội dung bị lệch khỏi ý bản gốc.

G005 mô tả quá trình dịch gồm: bắt đầu bằng việc đọc toàn bộ văn bản để nắm tổng thể nội dung và xác định chủ đề. Trong giai đoạn này, chưa tra cứu từ vựng ngay mà tập trung vào việc hiểu thông điệp chính. Sau khi có được cái nhìn bao quát, G005 bắt đầu dịch từng câu theo thứ tự từ trên xuống dưới. Khi từ vựng và ngữ pháp của câu được nắm bắt đầy đủ, bản dịch ban đầu sẽ được hình thành, sau đó tiếp tục được chỉnh lý để văn bản đích đạt tính mạch lạc và tự nhiên hơn.

Sau khi phân tích định tính, chúng tôi tiến hành lượng hóa dữ liệu của các khách thể

phông vắn bằng phân tích thang đo đa hướng (Multidimensional Scaling - MDS). Để thực hiện kỹ thuật toán học này, chúng tôi tiến hành mã hóa các hoạt động do các khách thể thực hiện. Phân đoạn Phân tích và Tái lập được đánh mã lần lượt là A và B. Trong đó, mã A1 là bước “Xác định lĩnh vực ST”; mã A2 là bước “Đọc nhanh toàn bộ ST để xác định chủ đề, thể loại, bố cục và văn phong”; mã A3 là bước “Đánh dấu chỗ khó, thông tin quan trọng”; mã A4 là bước “Phân tích thành phần câu”; mã B1 là bước “Dịch thô”; mã B2 là bước “Đối chiếu TT với ST để đảm bảo đúng ý nghĩa và đầy đủ thông tin”; mã B3 là bước “Chuyển dịch TT trôi chảy, phù hợp phong cách, thể loại của ST so với hành động dịch thô”. Thông tin cụ thể được thể hiện trong Bảng 1:

**Bảng 1**

*Hệ thống mã hoá hoạt động theo hai phân đoạn*

Phân đoạn	Mã	Hành động
Phân tích	A1	Xác định lĩnh vực ST.
	A2	Đọc nhanh toàn bộ ST để xác định chủ đề, thể loại, bố cục và văn phong.
	A3	Đánh dấu chỗ khó, thông tin quan trọng.
	A4	Phân tích thành phần câu.
Tái lập	B1	Dịch thô.
	B2	Đối chiếu TT với ST để đảm bảo đúng ý nghĩa và đầy đủ thông tin.
	B3	Chuyển dịch TT trôi chảy, phù hợp phong cách, thể loại của ST so với hành động dịch thô.

Sau khi mã hóa hoạt động, chúng tôi lập ma trận giữa mã hoạt động và mã khách thể. Trong đó, các mã hoạt động từ A1 đến B3 có dạng dữ liệu nhị phân (0-1) với 0 = “không”, 1 = “có”. chúng tôi bổ sung mã C có dạng dữ liệu loại (1-2-3) với 1 = Trên 20 năm kinh nghiệm giảng dạy; 2 = Trên 15 năm kinh nghiệm giảng dạy; 3 = Trên 5 năm kinh nghiệm giảng dạy. Thông tin cụ thể được thể hiện trong Bảng 2:

**Bảng 2**

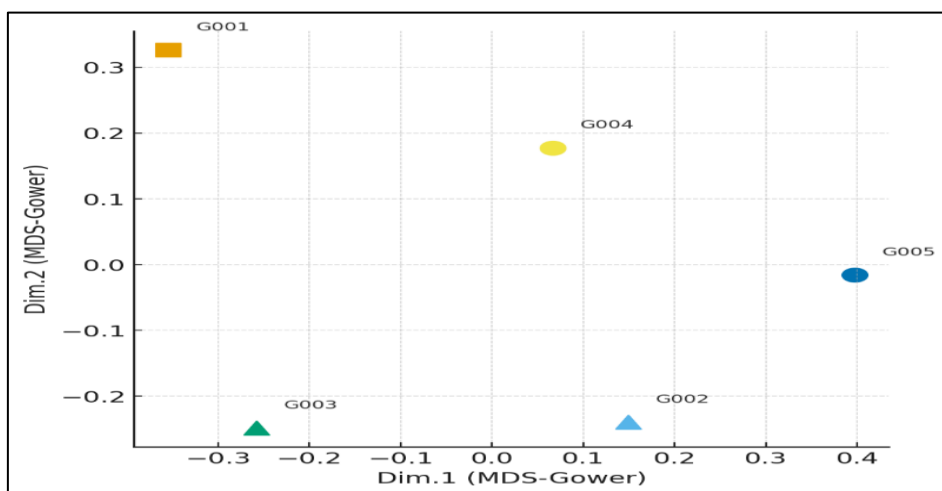
*Ma trận dữ liệu nhị phân giữa mã hoạt động (A1-B3) và khách thể (G001-G005)*

	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C
G001	1	0	0	1	0	1	0	1
G002	1	1	1	1	0	0	1	2
G003	1	1	0	0	1	0	0	2
G004	1	1	0	1	1	1	1	3
G005	0	1	1	1	1	0	1	3

Sau khi chạy mô hình MDS bằng ngôn ngữ lập trình Python, các khách thể chia thành 3 nhóm. Trong đó, nhóm 1 là khách thể G001, nhóm 2 là các khách thể G002 và G003, nhóm 3 là các khách thể G004 và G005. Biểu đồ sau minh họa cho miêu tả này.

**Hình 1**

Sơ đồ MDS (Gower) của năm khách thể theo mã hoạt động



\* Ghi chú: Nhóm 1 là hình ■, Nhóm 2 là hình ▲, Nhóm 3 là hình ●

## 5. Thảo luận

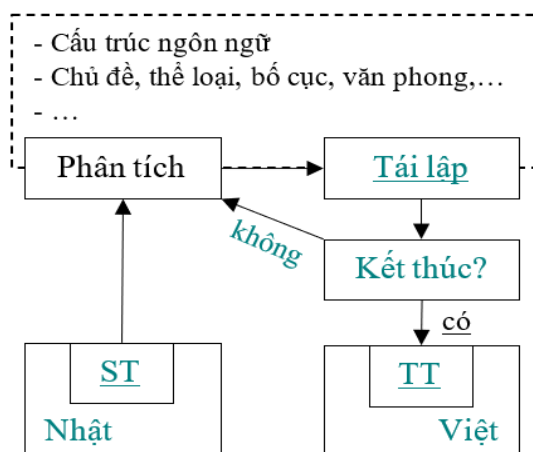
### 5.1. Quá trình dịch đơn chiều Nhật - Việt

Kết quả phỏng vấn cho thấy về cơ bản, quá trình dịch đơn chiều Nhật - Việt vẫn bao hàm hai phân đoạn là Phân tích và Tái lập. Trong quá trình này, người dịch thực hiện các hành động khác nhau để phân tích ST và tái lập thành TT. Các hành động thuộc về phân đoạn phân tích gồm: A1, A2, A3, A4 và các hành động thuộc về phân đoạn tái lập bao gồm: B1, B2 và B3.

Các hành động trong quá trình dịch không nhất thiết diễn ra theo trình tự trước sau. Người dịch có thể thực hiện hành động theo thứ tự bất kỳ và lặp lại nhiều lần. Người dịch cần nhắc các thông tin như: cấu trúc ngôn ngữ (thành phần câu), diễn ngôn và văn bản (chủ đề, thể loại bố cục văn phòng) khi thực hiện các hành động trong quá trình dịch. Quá trình dịch chỉ thực sự kết thúc khi người dịch quyết định ngừng dịch thuật ST thành TT. Hình dưới đây do nhóm chúng tôi miêu tả quá trình dịch đơn chiều Nhật - Việt.

**Hình 2**

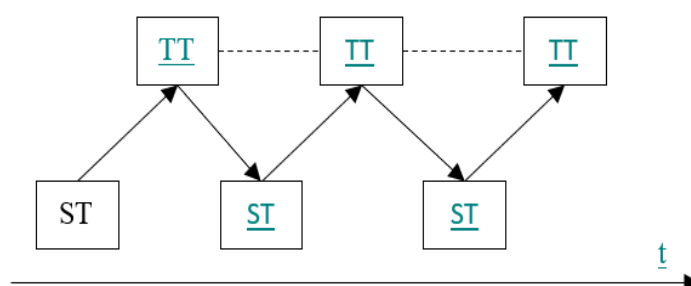
Quá trình dịch đơn chiều Nhật - Việt



Quá trình dịch có tính tuyến tính thời gian ( $t$ ) và chuỗi các hành động với sản phẩm được điều chỉnh không ngừng. Tính hoàn thiện của sản phẩm dịch phụ thuộc lớn vào năng lực (performance) của người dịch thể hiện qua các hành động dịch (Hình 3).

### Hình 3

*Quá trình dịch đơn chiều Nhật - Việt trên chiều tuyến tính thời gian*



Tuy nhiên, từng người dịch khác nhau sẽ có những điểm khác biệt về năng lực, biểu hiện qua các hành động và chất lượng bản dịch. Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các khách thể.

### 5.2. Sự khác biệt của các nhóm khách thể

Kết quả MDS cho thấy ba nhóm hành vi phân tách rõ ràng (Hình 1). Nhóm 1 gồm G001; Nhóm 2 gồm G002, G003; Nhóm 3 gồm G004, G005. Cụ thể như sau:

Nhóm 1: Mã khách thể G001 trong nhóm này nằm ở góc trên bên trái của sơ đồ, cách biệt khá xa so với các khách thể còn lại. G001 có kinh nghiệm giảng dạy là trên 20 năm, thực hiện A1, A4 và B2. Nghĩa là G001 chú trọng vào việc phân tích và kiểm tra sự tương ứng về nghĩa giữa ST và TT, hơn là tiến hành toàn bộ chuỗi tái lập. G001 dừng quá trình dịch ở hành động B2. Cấu hình này giải thích vì sao G001 đứng riêng một khu và có cự ly lớn với các khách thể còn lại.

Nhóm 2: Hai khách thể này tập trung ở nửa dưới bên phải của sơ đồ và tương đối gần nhau, phản ánh điểm chung trong phân đoạn Phân tích (A1, A2). Tuy nhiên, sự lệch dọc trục tung cho thấy khác biệt trong phân đoạn Tái lập. G002, G003 có điểm chung về kinh nghiệm giảng dạy là trên 15 năm. Trong phân đoạn Phân tích, cả hai khách thể đều thực hiện A1, A2. Nghĩa là G002 và G003 có xu hướng định vị lĩnh vực và đọc quét toàn văn trước khi Tái lập. Điểm khác biệt của G002 và G003 nằm ở phân đoạn Tái lập. G002 có thực hiện A3, A4 và B3; không thực hiện B1 và B2. Như vậy, G002 hướng đến một chuỗi thao tác phân tích sâu và hoàn thiện bản dịch ở hành động trau chuốt cuối. Ngược lại, G003 chọn con đường ngắn hơn khi chuyển ngay sang B1 và dừng tại đó. Sự tách biệt này lý giải vì sao G002 nằm chệch phía trên, còn G003 lại nằm ở vị trí thấp hơn.

Nhóm 3: Hai khách thể G004, G005 nằm ở phía phải sơ đồ, cùng thực hiện A2, A4, B1 và B3. Sự khác biệt nằm ở chỗ: G004 còn kết hợp thêm hành động B2, trong khi G005 không có hành động này. G004 nằm cao hơn và gần trung tâm hơn, phản ánh độ phủ rộng hơn ở phân đoạn B (thực hiện cả B1, B2, B3). Như vậy, G004 có phạm vi hoạt động rộng hơn ở phân đoạn Tái lập, còn G005 tập trung nhiều vào B1 và B3. G005 dừng quá trình dịch ở hành động B3. Trên sơ đồ MDS, cả hai cùng tạo thành một nhóm, song vẫn giữ một khoảng cách nhất định do sự khác biệt về phạm vi thao tác trong phân đoạn Tái lập.

Ma trận mã hoá hoạt động và mô hình hoá bằng MDS cho thấy cấu trúc hành vi của

năm khách thể phân hoá thành các nhóm dựa trên các hành động dịch và năm kinh nghiệm. Nhóm 1 (G001, >20 năm kinh nghiệm) có quy trình tối giản nhưng nhấn mạnh độ chính xác cục bộ. Nhóm 2 (G002, G003; >15 năm) chia sẻ nền tảng phân tích với A1, A2 nhưng tách hướng ở A3, A4 và phân đoạn Tái lập. Nhóm 3 (G004, G005; >5 năm) cùng thực hiện A2, A4, B1 và B3, song khác nhau ở độ phủ Tái lập (B2). A1 và A2 là hành động được hầu hết khách thể sử dụng trong quá trình dịch (A1: G001, G002, G003, G004; A2: G002, G003, G004, G005). Kể từ A2, các hành động Tái lập tách như sau: G001 dừng tại B2, G002 dừng tại B3, G003 dừng tại B1, G004 triển khai đầy đủ B1→B2→B3, G005 dừng tại B3. Từ đó, cho thấy đây là hành động mà 4 khách thể chú trọng và sau hành động này có thể thấy sự phân hóa rõ rệt trong quá trình dịch thuật.

## 6. Kết luận và khuyến nghị

### 6.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình dịch đơn chiều Nhật – Việt về cơ bản luôn diễn ra trong hai phân đoạn: Phân tích (A1-A4) và Tái lập (B1-B3), song các hành động không theo một trình tự cố định mà lặp lại và điều chỉnh linh hoạt tùy người dịch. Dữ liệu MDS cho thấy có ba nhóm chính: Nhóm 1 (G001) theo quy trình tối giản, thực hiện A1, A4 (không thực hiện B1, B3); Nhóm 2 (G002, G003) cùng thực hiện A1, A2 nhưng tách ở Tái lập như sau: G002 bỏ sung A3, A4, B3; còn G003 chuyển sang B1; Nhóm 3 (G004, G005) cùng thực hiện A2, A4, B1, B3. G004 triển khai đầy đủ B1→B2→B3; còn G005 thêm A3. A1 và A2 là các hành động được đa số khách thể sử dụng (A1: G001, G002, G003, G004; A2: G002, G003, G004, G005). Kể từ A2, phân đoạn Tái lập phân hoá rõ: G001 dừng tại B2, G002, G004 và G005 dừng tại B3; G003 dừng tại B1. Điều đó cho thấy A2 là mốc mà 4/5 khách thể cùng chú trọng, và sau mốc này xuất hiện sự phân kỳ hành động trong quá trình dịch.

Như vậy, quá trình dịch Nhật - Việt vừa thống nhất ở cấu trúc cơ bản vừa đa dạng ở hành động triển khai. Điều này cho thấy việc giảng dạy dịch thuật cần chú trọng không chỉ vào khâu phân tích mà còn rèn luyện các phương thức tái lập đa dạng, nhằm giúp người học phát triển năng lực dịch toàn diện và linh hoạt.

### 6.2. Khuyến nghị

Đối với giảng viên, nên chú trọng thiết kế hoạt động giảng dạy tách biệt nhưng kết nối hai phân đoạn Phân tích và Tái lập. Ở phân đoạn Tái lập, cần khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu, phân tích ngôn ngữ nguồn trong ST, cũng như khai thác một cách hiệu quả các công cụ hỗ trợ như từ điển, phần mềm dịch. Ở phân đoạn Tái lập, giảng viên nên tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập kỹ năng chỉnh sửa, so sánh các bản dịch bằng cách sử dụng các ngữ liệu thực tế.

Đối với sinh viên, cần nhận thức rằng dịch thuật không dừng lại ở việc hiểu nội dung của ST, mà còn là một quá trình sản xuất ngôn ngữ có tính sáng tạo và yêu cầu kiểm soát chất lượng. Vì thế, sinh viên nên rèn luyện đồng thời năng lực ngôn ngữ, kỹ năng phân tích, và thói quen biên tập có hệ thống, nhằm nâng cao chất lượng bản dịch cuối cùng.

### Tài liệu tham khảo

- Bell, R. T. (1991). *Translation and translating: Theory and practice*. Longman. <https://www.routledge.com/Translation-and-Translating-Theory-and-Practice/Bell/p/book/9780582016484>
- Borg, C. (2018). The phases of the translation process: Are they always three? Trong *Junior College Multi-Disciplinary Conference: Research, Practice and Collaboration: Breaking Barriers*. <https://www.um.edu.mt/library/oar/handle/123456789/38130>

- Cap, T. N. H. (2024). A contrastive study of workplace address terms in Japanese and Vietnamese: A corpus-based analysis of the films “From Five to Nine” and “Những nhân viên gương mẫu”. *DTU Journal of Science and Technology*, 5(66), 94-101. <https://elib.duytan.edu.vn/Tapchi/Detail/121755/1/122>
- Danks, H. J., & Griffin, J. (1997). Reading and translation: A psycholinguistic perspective. In H. J. Danks, G. M. Shreve, S. B. Fountain & M. K. McBeath (Eds.), *Cognitive processes in translation and interpreting* (pp. 161-175). Sage. <https://uk.sagepub.com/en-gb/asi/cognitive-processes-in-translation-and-interpreting/book6132>
- Dao, T. H. H. (2017). *Giving receiving sentences in Japanese: A contrastive study with Vietnamese*. University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi.
- Duong, Q. N. (2024). *Complaint acts in Vietnamese and Japanese* [Doctoral dissertation, University of Science and Education-The University of Danang]. [https://daotao.ued.udn.vn/wp-content/uploads/2024/07/Toan-van-luan-an\\_NCS-Duong-Quynh-Nga.pdf](https://daotao.ued.udn.vn/wp-content/uploads/2024/07/Toan-van-luan-an_NCS-Duong-Quynh-Nga.pdf)
- Gerloff, P. (1986). Second language learners’ reports on the interpretive process: Talk-aloud protocols of translation. In S. Blum-Kulka (Ed.), *Interlingual and intercultural communication* (pp. 243-262). Gunter Narr.
- Gile, D. (2009). *Basic concepts and models for interpreter and translator training* (Rev. ed.). John Benjamins Publishing Company. <https://doi.org/10.1075/btl.8>
- Hvelplund, K. T. (2011). *Allocation of cognitive resources in translation: An eye-tracking and key-logging study* [Doctoral dissertation]. <https://www.econstor.eu/handle/10419/208778>
- Ishihara, T. (2010). Differences in translation processes by text genre. *Interpreting and Translation Studies*, 10, 85-101. <https://doi.org/10.50837/its.1005>
- Jakobsen, A. L., & Hansen, G. (2002). Orientation, segmentation, and revision in translation. In G. Hansen (Ed.) *Empirical translation studies: Process and product*. (pp. 191-204). Samfundslitteratur. <https://research.cbs.dk/en/publications/empirical-translation-studies-process-and-product/>
- Krings, H. P. (1986). Translation problems and translation strategies of advanced German learners of French (L2). In J. House & S. Blum-Kulka (Eds.), *Interlingual and intercultural communication* (pp. 263-275). Gunter Narr.
- Mossop, B. (2000). The workplace procedures of professional translators. In A. Chesterman, N. Gallardo San Salvador & Y. Gambier (Eds.), *Benjamins Translation Library* (Vol. 39, 39). John Benjamins Publishing Company. <https://doi.org/10.1075/btl.39.07mos>
- Nagata, S., & Hiratsuka, Y. (2009). Translation as reconstruction in the translator’s inner world. *Interpreting and Translation Studies*, 9, 211-233. <https://doi.org/10.50837/its.0913>
- Nghiem, H. V. (2023). An analysis of Vietnamese-Japanese translation errors made by third-year students in the Japanese Department, Hanoi University. *Journal of Foreign Language Studies*, 73, 31-43. <https://doi.org/10.56844/tckhnn.73.687>
- Nguyen, T. V. A. (2023). A survey of the Vietnamese translations of the Japanese expressions ~te iku and ~te kuru. In *Proceedings of the National Conference on Research and Teaching of Foreign Languages, Linguistics, and International Studies in Vietnam (UNC 2023)*. Vietnam National University, Hanoi. <https://repository.vnu.edu.vn/server/api/core/bitstreams/8a41255b-c583-401b-96a3-6ebe6ba8b134/content>
- Oster, K. (2017). The influence of self-monitoring on the translation of cognates. Trong S. Hansen-Schirra, O. Czulo, & S. Hofmann (Eds.), *Empirical modelling of translation and interpreting*. 23-39. Zenodo. <https://doi.org/10.5281/zenodo.1089335>
- Phan, C. P. A. (2024). An analysis of Kanji errors in the translation process of students majoring in Japanese language. *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science*, 19(1), 74-84. <https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/soci-vi/article/view/3257>
- Someya, Y. (2010). The teaching of translation in the context of college education: Its purpose and rationale. *Journal of Foreign Language Studies*, 3, 73-102. <https://kansai-u.repo.nii.ac.jp/records/10163>
- Tran, T. M. P. (2017). The translation of verbal nominalization markers from Japanese into Vietnamese. *VNU Journal of Foreign Studies*, 33(5), 87-103. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4191>
- Vu, M. H. (2023). A contrastive study of Japanese and Vietnamese personal pronouns for translation teaching and learning purposes. *Journal of Foreign Language Studies*, 74, 3-13. <https://journals.hanu.edu.vn/index.php/tckhnn/article/view/721>
- Vu, T. N. (2018). *Tense in Japanese and its equivalent expressions in Vietnamese* [Doctoral dissertation, Graduate Academy of Social Sciences - Vietnam Academy of Social Sciences]. [https://gass.edu.vn/ConvertIMG/Uploads/pdfdoan/2018\\_11/LA\\_VuThuyNga.pdf](https://gass.edu.vn/ConvertIMG/Uploads/pdfdoan/2018_11/LA_VuThuyNga.pdf)
- Yamada, Y. (2011). Working memory and the translation production process. *An Invitation to Translation Studies in Japan*, 6, 1-14. <https://doi.org/10.50837/itsj.0601>

**PHỤ LỤC**

***Bảng phỏng vấn chi tiết của khách thể G001, G002, G003, G004, G005***

